

---

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET WEALTH MANAGEMENT (VIỆT NAM)**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ IV/2015**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7-8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 17

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU B 01-CTCK**

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>348,507,255,099</b>	<b>287,627,711,338</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>96,541,755,827</b>	<b>121,403,503,656</b>
1. Tiền	111		58,541,755,827	41,301,003,656
2. Các khoản tương đương tiền	112		38,000,000,000	80,102,500,000
			-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>161,157,555,225</b>	<b>132,521,484,010</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		161,157,555,225	132,521,484,010
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>89,696,846,885</b>	<b>32,881,802,718</b>
1. Phải thu khách hàng	131			
2. Trả trước cho người bán	132		6,091,275	
3. Phải thu hoạt động giao dịch	135		85,155,515,734	25,748,059,069
4. Các khoản phải thu khác	138	6	4,535,239,876	7,133,743,648
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1,111,097,162</b>	<b>820,920,954</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	131			
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	132		994,543,145	742,800,908
3. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	157		2,772,711	6,449,897
4. Tài sản ngắn hạn khác	158			71,670,150
			113,781,306	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>7,074,812,116</b>	<b>8,324,961,797</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2,518,485,538</b>	<b>4,093,654,784</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	1,165,073,143	1,190,561,954
- Nguyên giá	222		13,403,322,242	12,683,144,366
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12,238,249,099)	(11,492,582,412)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	8	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	1,353,412,395	2,903,092,830
- Nguyên giá	228		7,729,384,240	7,521,375,340
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6,375,971,845)	(4,618,282,510)
4. Xây dựng cơ bản dở dang				
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>572,618,000</b>	<b>572,618,000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258	10	572,618,000	572,618,000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3,983,708,577</b>	<b>3,658,689,013</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1,141,057,146	1,355,849,660
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263		2,106,970,104	1,567,158,026
3. Tài sản dài hạn khác	268	11	735,681,327	735,681,327
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>355,582,067,214</b>	<b>295,952,673,134</b>

<

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

**MẪU B 01-CTCK**  
 Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>94,530,116,675</b>	<b>40,455,086,717</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>94,482,749,766</b>	<b>40,407,719,808</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		34,300,000,000	
2. Phải trả nhà cung cấp	312			62,940,000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	215,233,054	407,268,958
4. Chi phí phải trả	316	12	1,188,706,625	1,334,426,713
5. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	13	58,656,718,265	38,425,579,888
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328		122,091,821	177,504,249
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>47,366,909</b>	<b>47,366,909</b>
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		47,366,909	47,366,909
<b>B. VỐN GÓP CỔ ĐÔNG</b>	<b>400</b>		<b>261,051,950,539</b>	<b>255,497,586,416</b>
<b>I. Vốn góp cổ đông</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>261,051,950,539</b>	<b>255,497,586,416</b>
1. Vốn điều lệ	411		300,000,000,000	300,000,000,000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		11,875,117	11,875,117
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		11,875,117	11,875,117
4. Lỗ lũy kế	420		(38,971,799,695)	(44,526,163,817)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>355,582,067,214</b>	<b>295,952,673,134</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET WEALTH MANAGEMENT (VIỆT NAM)**91 Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

<	Mã số	31/12/2015 VNĐ	31/12/2014 VNĐ
<b>Các chỉ tiêu ngoại bảng</b>			
<b>6. Chứng khoán lưu ký</b>	<b>6</b>	<b>9,597,677,190,000</b>	<b>8,758,440,270,000</b>
6.1. Chứng khoán giao dịch	7	9,593,138,810,000	8,754,334,670,000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	8	7,526,710,000	208,820,000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	9	255,841,850,000	295,016,880,000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	10	9,329,770,250,000	8,459,108,970,000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	11	0	151,000,000
6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	12		
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	13		151,000,000
6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	14		
6.3. Chứng khoán cầm cố	15	45,000,000	
6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	16	45,000,000	
6.4. Chứng khoán tạm giữ		202,100,000	
6.4.1. Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký			
6.4.2. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước		202,100,000	
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	27	4,191,000,000	3,901,800,000
6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	28		
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	29	4,030,900,000	1,596,200,000
6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	30	160,100,000	2,305,600,000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	37	100,280,000	52,800,000
6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	39	120,000	90,000
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		72,720,000	52,110,000
6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	40	27,440,000	600,000
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay		175,875,900,000	37,757,330,000
6.8.2. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	42	175,875,900,000	37,757,330,000

<

<b>7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>	<b>50</b>	<b>2,123,390,000</b>	<b>6,068,600,000</b>
7.1. Chứng khoán giao dịch		2,123,390,000	6,068,600,000
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	51	1,760,000	2,160,000
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	52	1,431,730,000	2,992,760,000
7.1.3. Chứng khoán giao dịch khách hàng nước ngoài	53	689,900,000	3,073,680,000



**Woo Young Ki**  
**Tổng Giám đốc**  
 Ngày 14 tháng 1 năm 2016

**Ngô Thanh Thủy**  
**Kế toán trưởng**


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

**MẪU B 02-CTCK**  
 Đơn vị: VNĐ

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã Thuyết số minh</b>	<b>Từ 01/10/2015 Đến 31/12/2015</b>	<b>Từ 01/10/2014 Đến 31/12/2014</b>	<b>Lũy kế từ Năm 2015</b>	<b>đầu năm Năm 2014</b>
1. Doanh thu gộp	1	<b>14,241,730,933</b>	<b>7,039,234,980</b>	<b>38,195,239,103</b>	<b>28,898,890,082</b>
Trong đó:					
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		2,132,229,861	1,995,498,153	6,922,891,320	7,661,323,894
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán		7,701,778,185	1,168,050	13,785,111,836	14,776,770
- Doanh thu hoạt động tư vấn		91,323,046		147,108,866	-
- Doanh thu hoạt động lưu ký		129,449,648	133,778,631	499,931,568	397,986,685
- Doanh thu khác		4,186,950,193	4,908,790,146	16,840,195,513	20,824,802,733
2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10	<b>14,241,730,933</b>	<b>7,039,234,980</b>	<b>38,195,239,103</b>	<b>28,898,890,082</b>
3. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	3,922,543,550	4,035,118,724	17,650,084,588	16,940,746,517
4. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	20	<b>10,319,187,382</b>	<b>3,004,116,256</b>	<b>20,545,154,515</b>	<b>11,958,143,565</b>
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3,677,494,554	4,059,312,096	14,987,717,494	16,289,485,353
6. (Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động kinh doanh	30	<b>6,641,692,829</b>	<b>(1,055,195,840)</b>	<b>5,557,437,021</b>	<b>(4,331,341,788)</b>
7. Thu nhập khác	31	4,262	4,075	18,028	6,984,795
8. Chi phí khác	32	985	260,694,569	3,090,926	264,101,233
9. (Lỗ)/Lợi nhuận khác	40	3,277	(260,690,494)	(3,072,898)	(257,116,438)
10. (Lỗ)/lãi kế toán trước thuế	50	<b>6,641,696,106</b>	<b>(1,315,886,334)</b>	<b>5,554,364,123</b>	<b>(4,588,458,226)</b>
11. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	-	-	-	-
12. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	-	-	-	-
<b>13. (Lỗ)/lãi sau thuế</b>	<b>60</b>	<b>6,641,696,106</b>	<b>(1,315,886,334)</b>	<b>5,554,364,123</b>	<b>(4,588,458,226)</b>



**Woo Young Ki**  
**Tổng Giám đốc**  
 Ngày 14 tháng 1 năm 2016

  
**Ngô Thanh Thủy**  
**Kế toán trưởng**

<

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015

**MẪU B 03-CTCK**  
**Đơn vị: VNĐ**

**I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**

**1. Lợi nhuận trước thuế**

**1** **5,554,364,123** **(4,588,458,226)**

**2. Điều chỉnh cho các khoản**

- Khấu hao TSCĐ

**2** 2,503,356,029 2,305,296,697

- Các khoản dự phòng

**3** (7,754,105)

- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư

**5** (26,518,151,569) (20,485,571,476)

- Chi phí lãi vay

**6** 223,484,751 265,627,843

**3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**

**8** **(18,236,946,665)** **(22,510,859,267)**

- Tăng, giảm các khoản phải thu

**9** (60,192,391,763) 3,930,143,275

- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)

**11** 21,023,531,221 (18,720,211,389)

- Tăng, giảm chi phí trả trước

**12** (36,949,724) (54,089,575)

- Tiền lãi vay đã trả

**13** (223,484,751) (265,627,843)

- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp

**14** - -

**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**

**20** **(57,666,241,682)** **(37,620,644,798)**

**II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác

**21** (928,186,776) (750,040,000)

2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác

**22** - -

4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác

**24** 132,300,000,000 -

5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, gửi tiền Ngân hàng

**25** (152,746,570,795) (12,346,847,560)

6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

**26** 697,053,830 140,286,800

7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia

**27** 13,919,249,738 17,360,870,354

8. Lãi thu từ giao dịch ký quỹ

**28** 4,626,853,494 3,843,311,009

9. Lãi thu từ dịch vụ ứng trước

**29** 636,094,362 661,514,566

**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**

**30** **(1,495,506,147)** **8,909,095,168**

**III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**

3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được

**33** 192,003,000,000 90,130,000,000

4. Tiền chi trả nợ gốc vay

**34** (157,703,000,000) (90,130,000,000)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET WEALTH MANAGEMENT (VIỆT NAM)**91 Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

<

5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>34,300,000,000</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(24,861,747,829)</b>	<b>(28,711,549,630)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>121,403,503,656</b>	<b>150,115,053,286</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>96,541,755,827</b>	<b>121,403,503,656</b>

**Woo Young Ki**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 14 tháng 1 năm 2016**Ngô Thanh Thủy**  
**Kế toán trưởng**

<  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** **MẪU B 09-CTCK**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam) (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)) (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 73/UBCK-GP ngày 18 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho mục đích báo cáo Quý.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm các khoản dư nợ giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán khách hàng và các khoản phải thu khác liên quan đến hoạt động chứng khoán

**Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

*Khấu hao*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Phương tiện vận tải	4
Thiết bị văn phòng	4
Phần mềm	3-4

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo phương pháp giá trị hợp lý

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị nội thất văn phòng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET WEALTH MANAGEMENT (VIỆT NAM)**91 Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	5,254,500	7,509,500
Tiền gửi ngân hàng	96,536,501,327	41,293,494,155
<i>Trong đó: Tiền của nhà đầu tư</i>	<i>58,656,718,265</i>	<i>38,425,579,559</i>
Các khoản tương đương tiền	38,000,000,000	80,102,500,000
	<u><b>96,541,755,827</b></u>	<u><b>121,403,503,656</b></u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng .

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền gửi Ngân hàng có thời gian đáo hạn trên 3 tháng	110,000,000,000	132,300,000,000
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	51,157,555,225	221,484,010
	<u><b>161,157,555,225</b></u>	<u><b>132,521,484,010</b></u>

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Các khoản lãi cộng dồn dự thu	4,408,961,112	6,916,051,597
Khác	126,278,764	217,692,051
	<u><b>4,535,239,876</b></u>	<u><b>7,133,743,648</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MẪU B 09-CTCK**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải <u>VNĐ</u>	Thiết bị văn phòng <u>VNĐ</u>	Tổng <u>VNĐ</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 31/12/2014	4,455,869,359	8,227,275,007	12,683,144,366
Tăng		720,177,876	720,177,876
Chuyển sang công cụ, thanh lý			
Tại ngày 31/12/2015	<u>4,455,869,359</u>	<u>8,947,452,883</u>	<u>13,403,322,242</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 31/12/2014	4,455,869,359	7,036,713,053	11,342,626,846
Khấu hao trong năm		745,666,687	895,622,253
Giảm			
Tại ngày 31/12/2015	<u>4,455,869,359</u>	<u>7,782,379,740</u>	<u>12,238,249,099</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2014		<u>1,190,561,954</u>	<u>1,190,561,954</u>
Tại ngày 31/12/2015		<u>1,165,073,143</u>	<u>1,165,073,143</u>

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm <u>VNĐ</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 31/12/2014	7,521,375,340
Tăng	208,008,900
Giảm	
Tại ngày 31/12/2015	<u>7,729,384,240</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 31/12/2014	4,618,282,502
Khấu hao trong năm	1,757,689,335
Giảm	
Tại ngày 31/12/2015	<u>6,375,971,845</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 31/12/2014	<u>2,903,092,838</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u>1,353,412,395</u>

**9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Mirae Asset Realty (Việt Nam), một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 411022000515 do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 4 năm 2010. Giá gốc của khoản đầu tư là 572.618.000 đồng chiếm 14.99% vốn điều lệ cũng như quyền biểu quyết trong Công ty này. Khoản đầu tư này được hạch toán trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET WEALTH MANAGEMENT (VIỆT NAM)**91 Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***10. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Đặt cọc thuê văn phòng	735,431,327	735,431,327
Đặt cọc khác	250,000	250,000
	<u><b>735,681,327</b></u>	<u><b>735,681,327</b></u>

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp thu hộ	1,117,884	100,158,898
Thuế thu nhập cá nhân	132,873,771	170,287,586
Thuế thu nhập cá nhân đối với kinh doanh chứng khoán	79,273,657	94,250,063
Thuế GTGT		
Thuế khác	1,967,741	42,572,410
	<u><b>215,233,054</b></u>	<u><b>407,268,958</b></u>

**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí phải trả cho nhân viên	479,604,154	718,897,188
Phí kiểm toán	165,454,545	246,500,000
Phí giao dịch chứng khoán	231,824,107	206,578,658
Khác	311,823,819	162,450,868
	<u><b>1,188,706,625</b></u>	<u><b>1,334,426,715</b></u>

**13. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán thể hiện khoản tiền gửi của khách hàng cho việc kinh doanh chứng khoán thông qua tài khoản ngân hàng của Công ty.

**14. VỐN GÓP CỔ ĐÔNG****Thay đổi trong vốn góp cổ đông**

	Vốn điều lệ	Lỗ lũy kế	Khác	Cộng
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Số dư tại ngày 31/12/2014	300,000,000,000	(44,526,163,818)	23,750,234	255,497,586,416
Lãi trong kỳ	-	5,554,364,123	-	5,554,364,123

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)** **MẪU B 09-CTCK**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Số dư tại ngày 30/06/2015	<u>300,000,000,000</u>	<u>(38,971,799,695)</u>	<u>23,750,234</u>	<u>261,051,950,539</u>
---------------------------	------------------------	-------------------------	-------------------	------------------------

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tổng vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty là 300.000.000.000 đồng. Vốn điều lệ của Công ty đã được góp đủ như sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND	%	VND	%
Mirae Asset Securities (HK) Limited	147.000.000.000	49.0	147.000.000.000	49.0
P/E Investment Construction Joint Stock Company	135.900.000.000	45.3	135.900.000.000	45.3
Khác	17.100.000.000	5.7	17.100.000.000	5.7
	<u>300.000.000.000</u>	<u>100.0</u>	<u>300.000.000.000</u>	<u>100.0</u>

**15. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2015 Đến 31/12/2015 VND	Từ 01/01/2014 Đến 31/12/2014 VND
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	5,554,364,123	(4,588,458,226)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty		(1,009,460,809)
<b>Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trong kỳ</b>		<b>1,009,460,809</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% từ 2014 trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ do Công ty được chuyển khoản lỗ lũy kế từ các năm trước

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản lỗ lũy kế là (27,428,047,611) đồng có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ trên do Công ty không chắc chắn có đủ lợi nhuận trong tương lai.

**16. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Từ 2015, Công ty thay đổi phương pháp đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán từ phương pháp giá gốc sang phương pháp giá trị hợp lý. Theo qui định, các khoản mục bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi này sẽ được áp dụng hồi tố và được trình bày trước và sau khi áp dụng như sau:

Bảng cân đối kế toán

	31/12/2014 (Sau khi áp dụng hồi tố)	31/12/2014 (Theo báo cáo trước đây)
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>132,521,484,010</b>	<b>132,451,828,330</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	132,521,484,010	132,505,742,955
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(53,914,625)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET WEALTH MANAGEMENT (VIỆT NAM)**

91 Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

<b>I. Vốn góp cổ đông</b>	<b>255,497,586,417</b>	<b>255,427,930,737</b>
1. Vốn điều lệ	300,000,000,000	300,000,000,000
2. Quỹ dự phòng tài chính	11,875,117	11,875,117
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11,875,117	11,875,117
4. Lỗ lũy kế	(44,526,163,817)	(44,595,819,497)



**Woo Young Ki**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 14 tháng 1 năm 2016

A blue ink signature of Ngô Thanh Thủy.

**Ngô Thanh Thủy**  
**Kế toán trưởng**